TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HSST
Ngày: 19/01/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **ĐỖ THỊ MỸ HẠNH.**

2. Ông **LÊ CÔNG QUYỀN.**

Thư ký phiên tòa: Bà **TRƯƠNG THỊ THẢO QUYÊN –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **LÊ CÔNG TIẾN –** Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2023/TLST - HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST – HS ngày ngày 03 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN NGỌC H1, sinh ngày 10/9/1995, tại Tây Ninh; trú tại: tổ A, ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Đỗ Thị L; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

- Tại Quyết định xử lý vi phạm hành chính số: 36/QĐ – XPHC ngày 15/3/2016 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý Công an tỉnh T đã xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi: "Sử dụng trái phép chất ma tuý" (đã nộp phạt ngày 23/8/2016).

- Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 10/2016/QĐ – TA ngày 15/11/2016 của Toà án nhân dân huyện Hoà Thành (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh, thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện là 18 tháng (đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính).

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 30/6/2017, Toà án nhân dân huyện Tân Châu, xử phạt 03 (ba) năm tù về tội: "Gây rối trật tự công cộng", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/9/2019 (đã được xoá án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/4/2023, chuyển tạm giam từ ngày 03/5/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. NGÔ TẤN Đ2, sinh ngày 11/02/2000, tại Tây Ninh; trú tại: tổ B, ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không xác định) và bà Ngô Thị T; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

- Tại Quyết định xử lý vi phạm hành chính số: 516/QĐ – XPHC ngày 21/8/2017 của Công an thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh đã xử phạt hành chính số tiền 1.125.000 đồng về hành vi: "Tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma tuý" (đã nộp phạt ngày 23/8/2017).

- Tại Quyết định xử lý vi phạm hành chính số: 109/QĐ – XPHC ngày 19/4/2023 của Công an huyện G, tỉnh Tây Ninh đã xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi: "Sử dụng trái phép chất ma tuý" (đã nộp phạt ngày 08/5/2023) (bị xử phạt sau ngày thực hiện hành vi phạm tội).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/4/2023, chuyển tạm giam từ ngày 03/5/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Dương Hoàng Minh T1, sinh năm 2004, địa chỉ: nhà số A, khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

+ Anh Lê Thành Đ1, sinh năm 2001; địa chỉ: Số E, ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1980, địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Ngô Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

+ Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số I, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Minh C, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Ngọc H1 và bị cáo Ngô Tấn Đ2 không có nghề nghiệp ổn định, thường tụ tập sử dụng trái phép chất ma tuý. Để có tiền tiêu xài, từ ngày 14/4/2023 đến ngày 15/4/2023, 02 bị cáo đã thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ án thứ nhất: Vào lúc 15 giờ ngày 14/4/2023, bị cáo H1 nhờ anh Mai Thanh N (tên thường gọi là Ty M), sinh năm 2001 điều khiển xe chở bị cáo H1 đến gần nhà của anh Lê Thành Đ1, sinh năm 2001, ngụ tại nhà số E, ấp L, xã L, thị xã H để chờ Đ1 nhằm mục đích đòi Đ1 số tiền 70.000.000 đồng mà Đ1 đã mượn của 01 người tên H2 nhà ở khu vực Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ họ tên, địa chỉ). Sau khi đến nơi, N quay xe về, bị cáo H1 ở lại một lúc thì nhìn thấy Đ1 điều khiển xe đi ngang nên bị cáo H1 kêu Đ1 chở về nhà riêng của bị cáo H1 tại nhà số F, tổ A, thuộc ấp L, xã L, thị xã H. Trên đường đi, bị cáo H1 đề cập đến số tiền 70.000.000 đồng mà Đ1 đã thiếu của một người thanh niên tên H2 nhưng Đ1 trả lời không có thiếu nợ của bất kỳ ai. Khi về đến nhà của bị cáo H1, bị cáo H1 kêu Đ1 vào nhà để nói chuyện, bị cáo H1 đóng cửa nhà (không khoá cửa) rồi cầm 01 cây ba chĩa bằng kim loại, dài 2,77 mét có sẵn trong nhà, đưa về hướng Đ1 đang ngồi và đe doạ sẽ đâm, gây sức ép buộc Đ1 viết giấy nợ. Sau đó, bị cáo H1 kêu Đ1 đưa số tiền 200.000 đồng để đi mua tập (vở) và viết (bút) nhằm yêu cầu Đ1 viết giấy nợ cho bị cáo H1 số tiền 70.000.000 đồng. Do sợ nên Đ1 lấy 200.000 đồng trong túi quần của mình đưa cho H1 đi mua 01 quyển tập và 01 cây viết tại chợ L1 (cách nhà của bị cáo H1 khoảng 30 mét). Khi bị cáo H1 đi, Đ1 dùng tay mở cửa để đi ra về nhưng do quá hoảng sợ nên không mở cửa được và tiếp tục ngồi đợi bị cáo H1 trong phòng. Sau khi mua giấy, bút về thì bị cáo H1 đọc nội dung cho Đ1 viết giấy nợ số tiền 70.000.000 đồng và dùng điện thoại di động của Đ1 quay Video, bắt Đ1 đọc lại nội dung đã viết. Bị cáo H1 yêu cầu Đ1 đưa thêm tiền thì Đ1 tự lấy tiền trong người đưa thêm 800.000 đồng cho bị cáo H1, sau đó bị cáo H1 cho Đ1 ra về. Số tiền 1.000.000 đồng Đ1 đưa cho bị cáo H1, thoả thuận trừ vào số tiền 70.000.000 đồng Đ1 viết giấy nợ. Mục đích bị cáo H1 kêu Đ1 viết giấy nợ là

có chứng cứ để sau này đi đòi tiền Đ1. Sau khi có giấy nợ của Đ1, bị cáo H1 về nhà đưa cho cha ruột là ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1975 xem và ông Đ nghĩ Đ1 nợ tiền của bị cáo H1 thật nên ông Đ đã cùng với bị cáo H1 và Ngô Tấn Đ2 đến nhà Đ1 02 lần để đòi tiền nhưng gia đình của Đ1 khẳng định Đ1 không có nợ nần gì của bị cáo H1 và hai bên xảy ra tranh cãi nhưng không có đánh nhau. Khi biết bị cáo H1 bị công an bắt về hành vi chiếm đoạt tiền của người khác thì Đ1 đến cơ quan công an trình báo sự việc.

Vụ án thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 15/4/2023, bị cáo H1 rủ bị cáo Ngô Tấn Đ2 đi đến nhà của ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1980 ngụ tại ấp L, xã L, thị xã H để đòi số tiền 50.000.000 đồng mà T2 đã nợ của một người tên T3 nhà ở khu vực Cua L (không rõ họ tên, địa chỉ) thì bị cáo Đại đồng ý. Bị cáo Đại điều khiểu xe mô tô biển số 59M1 – 521.93 chở bị cáo H1 đến nhà ông T2. Tại đây, bị cáo Đ2 rút chìa khoá xe mô tô nhãn hiệu Dream, gắn biển số 70E1 – 3044 của T2 đang cắm sẵn trên xe, còn bị cáo H1 gây sức ép, uy hiếp tinh thần buộc ông T2 phải đưa số tiền 6.000.000 đồng nhưng ông T2 không có tiền nên bị cáo H1 và bị cáo Đ2 đã lấy xe mô tô biển số 70E1 – 3044 của T2 điều khiển đi và nói là đem xe đi cầm trước, khi nào ông T2 có tiền thì đi chuộc, do sợ bị cáo H1 và bị cáo Đ2 đánh nên khi 02 bị cáo lấy xe ông T2 không dám chống cự. Hai bị cáo điều khiển xe đến tiệm cầm đồ "Thành Thắng", tại khu phố L, phường L, thị xã H do Nguyễn Tấn H làm chủ để cầm được số tiền 9.000.000 đồng, còn T2 thì đi đến công an để trình báo sự việc.

Chiều ngày 23/4/2023, ông T2 điện thoại cho bị cáo H1 để hỏi về chiếc xe thì bị cáo H1 nói đã cầm xe với giá 9.000.000 đồng nhưng nếu ông T2 muốn lấy lại xe thì đưa cho bị cáo H1 thêm 6.000.000 đồng, tổng cộng là 15.000.000 đồng. Ông T2 không đồng ý và hỏi lại bị cáo H1 là tại sao ông T2 không thiếu tiền của bị cáo H1 mà bị cáo H1 lại lấy xe của T2 và giờ còn đòi tiền của ông T2 thì bị cáo H1 trả lời là ông T2 có thiếu tiền hay không thì ông T2 phải tự biết.

Khoảng 22 giờ ngày 23/4/2023, bị cáo H1 đến mượn Phạm Minh C, sinh năm 1984 số tiền 9.000.000 đồng và nhờ C chuộc xe mô tô biển số 70E1 – 3044 giúp bị cáo H1. Sau khi chuộc xe xong, bị cáo H1 mượn của anh C thêm số tiền 4.000.000 đồng và để xe mô tô biển số 70E1 – 3044 lại cho anh C giữ để làm tin.

Khoảng 13 giờ ngày 24/4/2023, bị cáo H1 điện thoại cho ông T2 nói là nếu hôm nay ông T2 không đưa tiền chuộc xe thì người ta sẽ thanh lý xe, do xe của ông T2 có giá trị cao nên khi nghe bị cáo H1 nói vậy thì ông T2 nói ông T2 sẽ đi vay tiền. Một lúc sau, ông T2 gọi điện thoại lại cho bị cáo H1 và nói là chỉ vay được số tiền 11.000.000 đồng, kêu bị cáo H1 dẫn ông T2 đi chuộc xe trước, còn lại 5.000.000 đồng ngày hôm sau ông T2 vay được sẽ đưa tiếp cho bị cáo H1 thì bị

cáo H1 đồng ý. Bị cáo H1 hẹn gặp T2 lúc 17 giờ 30 phút, tại quán cà phê "Cây Xanh" thuộc ấp L, xã L, thị xã H.

Sau khi bị cáo H1 hẹn với T2 xong thì bị cáo H1 cùng các bạn vào quán cà phê "Cây Xanh" uống cà phê. Đến khoảng 17 giờ, những người khác đi về, còn lại bị cáo H1 và bị cáo Đ2 thì bị cáo H1 nói với bị cáo Đ2 là chờ ông T2 đến để đi chuộc xe của ông T2. Bị cáo H1 kêu bị cáo Đ2 chở bị cáo H1 đi vòng vòng quanh khu vực quán cà phê "Cây Xanh" để xem có công an không vì bị cáo H1 sợ ông T2 báo công an đến bắt bị cáo H1. Bị cáo Đ2 chở bị cáo H1 chạy vòng quanh khu vực quán cà phê "Cây Xanh" cho đến khi thấy ông T2 cùng người bạn của ông T2 đi vào quán như đã hẹn. Khoảng 10 phút sau, bị cáo Đ2 chở bị cáo H1 vào quán, bị cáo H1 lại bàn của ông T2 nói chuyện còn bị cáo Đ2 thì quay xe sẵn hướng cổng quán cà phê cách bàn cà phê của bị cáo H1 và T2 khoảng 03 mét để nếu có công an đến thì chạy.

Tại bàn cà phê, bị cáo H1 yêu cầu ông T2 đưa cho bị cáo H1 5.000.000 đồng trước thì bị cáo H1 mới dẫn T2 đến chỗ thế xe, ông T2 không đồng ý. ông T2 yêu cầu phải đi chuộc xe trước thì mới đưa tiền nên bị cáo H1 cho ông T2 số điện thoại của C (người đang cầm xe) để T2 liên lạc, T2 điện thoại cho C và hỏi C có đang cầm cố xe của bị cáo H1 không thì anh C xác nhận là có và nói là muốn chuộc xe thì cần 13.000.000 đồng, xong ông T2 tắt máy.

Sau khi điện thoại xong, ông T2 nói là chỉ vay được số tiền 11.000.000 đồng, đưa cho bị cáo H1 trước để chuộc xe, ngày mai đưa thêm số tiền 5.000.000 đồng thì bị cáo H1 đồng ý. Khi hai bên tiến hành giao nhận số tiền 11.000.000 đồng thì bị Công an bắt quả tang.

Qua làm việc, T2 khai nhận từ trước đến nay không có nợ tiền của bị cáo H1 hay của bất kỳ ai. Bị cáo H1 khai là nếu nhận được 11.000.000 đồng của ông T2 thì bị cáo H1 sẽ đi cầm thêm điện thoại của bị cáo để được thêm số tiền 2.000.000 đồng để đủ tiền chuộc xe lại cho ông T2.

Ngoài ra, bị cáo H1 còn có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác, như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 06/4/2023, bị cáo H1 đến nhà của anh Phan Thiện K, sinh năm 2000, ngụ số B, tổ B, ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh thì gặp anh Dương Hoàng Minh T1, sinh năm 2004 cũng đến nhà anh K chơi. Lúc này, bị cáo H1 mượn xe mô tô biển số 70G1 - 644.30 nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu xanh – trắng – đen của anh T1 để đi công việc thì được anh T1 đồng ý. Sau khi giải quyết công việc xong, do cần tiền tiêu xài, bị cáo H1 nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh T1 nên điều khiển xe đến tiệm cầm đồ "Thành Thắng" do anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1982 làm chủ. Tại đây, bị cáo H1 nói dối là xe của bị cáo H1 nên anh H tin tưởng chấp nhận cầm xe với số tiền 7.000.000 đồng. Khoảng 03

ngày sau, bị cáo H1 gặp và nói dối với anh T1 là xe mô tô hiện đã bị Công an xã S, huyện T tạm giữ do bị cáo H1 bị phạt vi phạm hành chính. Sau khi xảy ra sự việc, anh T1 phát hiện bị cáo H1 bị Công an thị xã H bắt về hành vi khác nên đã đến Cơ quan công an trình báo sự việc, hiện xe mô tô đã được thu hồi trả lại cho anh T1.

Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 31/5/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã H, kết luận:

- 01 (một) xe mô tô biển số 70G1 – 644.30, nhãn hiệu Honda, loại Winner, số khung 2609GY364464, số máy KC26E1210789, đã qua sử dụng trị giá 19.000.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô biển số 70E1 – 3044, nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu nâu, số khung: 0011221, số máy: C100ME – 01121, tình trạng: đã qua sử dụng, lắp ráp tại Việt Nam, đăng ký lần đầu ngày 13/5/1998 có giá là 38.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo H1 và bị cáo Đ2 đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Đối với anh Phạm Minh C và anh Nguyễn Tấn H khi tiến hành cấm cố xe cho bị cáo H1, không biết tài sản do bị cáo H1 phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Ngọc Đ mặc dù có hành vi đi cùng bị cáo H1 đến nhà bị hại Đ1 để đòi nợ do thấy giấy mượn tiền của bị hại Đ1 nhưng trước đó ông Đ không biết việc bị cáo H1 gây áp lực buộc bị hại Đ1 phải viết giấy nợ nên Công an thị xã H không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với những người tên "H2, T3" mà bị cáo H1 khai nhận có liên quan đến vụ án, hiện chưa xác định được, khi nào làm rõ xử lý sau.

Qua xác minh, hai bị cáo không có tài sản nên không kê biên.

Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại Nguyễn Thanh T2 và Dương Hoàng Minh T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Bị hại Lê Thành Đ1 yêu cầu bị cáo H1 bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, đã nhận xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn H yêu cầu bị cáo H1 trả lại số tiền 7.000.000 đồng, đã nhận xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Minh C yêu cầu bị cáo H1 trả lại số tiền 13.000.000 đồng, đã nhận xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số: 73/CT - VKSHT ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H1 về các tội: "Cưỡng đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 170 và khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự; đã truy tố bị cáo Ngô Tấn Đ2 về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành giữ quyền công tố, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H1 về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; truy tố bị cáo Ngô Tấn Đ2 về tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H1 mức án từ 03 năm đến 04 năm tù về tội: "Cưỡng đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H1 mức án từ 01 năm đến 02 năm tù về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo H1 là từ 04 năm đến 06 năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Tấn Đ2 mức án từ 01 năm đến 02 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự, ghi nhận bị cáo H1 đã bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày:

Bị cáo H1: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về lo cho gia đình và bà nội của bị cáo.

Bị cáo Đ2: Bị cáo rất ăn năn hối hận, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội làm công dân tốt có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Hòa Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Ngọc H1 và Ngô Tấn Đ2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, các kết luận giám định, lời khai của người làm chứng, vật chứng vụ án cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

[2.1]. Khoảng 15 giờ ngày 06/4/2021, tại nhà số B, tổ B, ấp L, xã L, thị xã H, sau khi bị cáo H1 mượn xe mô tô biển số 70G1 – 644.30 trị giá 19.000.000 đồng của bị hại Dương Hoàng Minh T1 đi công việc thì bị cáo H1 nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh T1 để lấy tiền tiêu xài. Bị cáo điều khiển xe đến tiệm cầm đồ "Thành Thắng" của anh Nguyễn Tấn H, nói dối là xe của bị cáo và cầm xe cho anh H với số tiền 7.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[2.2]. Khoảng 15 giờ ngày 14/4/2023, tại nhà của bị cáo H1 thuộc nhà số F, tổ A, ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, bị cáo H1 có hành vi sử dụng cây ba chĩa bằng kim loại để đe doạ sẽ dùng vũ lực đối với bị hại Lê Thành Đ1 nhằm uy hiếp tinh thần của bị hại Đ1 để buộc bị hại Đ1 viết giấy nợ với nội dung là bị hại Đ1 có nợ bị cáo H1 số tiền 70.000.000 đồng, quá trình viết giấy nợ, bị hại Đ1 có đưa trước cho bị cáo H1 số tiền 1.000.000 đồng để trừ vô số nợ 70.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo H1 đủ yếu tố cấu thành tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

[2.3]. Khoảng 10 giờ 15 phút, ngày 15/4/2023, tại nhà của bị hại Nguyễn Thanh T2 thuộc ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Đ2 rút chìa khoá xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 70E1 - 3044 trị giá 38.000.000 đồng của bị hại T2 đang cắm ở trên xe, bị cáo H1 gây sức ép, uy hiếp tinh thần của bị hại T2 để yêu cầu bị hại T2 phải đưa cho H1 số tiền 6.000.000 đồng, do bị hại T2 không có tiền nên bị cáo H1 và bị cáo Đ2 đã lấy xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 70E1 - 3044 của bị hại T2, bị hại T2 sợ hai bị cáo đánh nên khi bị lấy xe không dám chống cự. Sau khi lấy được xe, hai bị cáo đem xe đến tiệm cầm đồ "Thành Thắng" của anh H cầm cố được số tiền 9.000.000 đồng. Hành vi của hai bị cáo H1 và Đ2 đủ yếu tố

cấu thành tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

[2.4]. Như vậy, bị cáo H1 đã thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản đối với bị hại Đ1 số tiền 70.000.000 đồng và đối với bị hại T2 01 xe mô tô trị giá 38.000.000 đồng, tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt của hai bị hại là 70.000.000 đồng + 38.000.000 đồng = 108.000.000 đồng, nên bị cáo H1 bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự: "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H1 còn có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của bị hại T2 số tiền 19.000.000 đồng. Bị cáo Đ2 có hành vi cưỡng đoạt tài sản đối với bị hại T1 01 xe mô tô trị giá 38.000.000 đồng. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoà Thành đã truy tố bị cáo H1 về các tội: "Cưỡng đoạt tài sản" và tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 và khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự; đã truy tố bị cáo Ngô Tấn Đ2 về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ và bất bình trong quần chúng nhân dân. Hai bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất tham lam, lười lao động và xem thường pháp luật đã dẫn các bị cáo vào con đường phạm tội, các bị cáo có nhân thân xấu, cần có mức án thật nghiêm khắc và cần cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răng đe, giáo dục và phòng ngừa.

[3.2]. Bị cáo H1 03 lần thực hiện hành vi phạm tội, trong đó 01 lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 02 lần thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản. Do đó, đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản, bị cáo H1 bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: "Phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.3]. Đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản là chiếc xe mô tô của bị hại T2, bị cáo H1 và bị cáo Đ2 cùng cố ý thực hiện tội phạm nên hai bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, trong đó bị cáo H1 là người rủ bị cáo Đ2 thực hiện tội phạm, bị cáo Đ2 giúp sức tích cực cho bị cáo H1 thực hiện tội phạm nên bị cáo H1 phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án, bị cáo Đ2 chịu trách nhiệm sau bị cáo H1.

[3.4]. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo H1 đã tác động gia đình

bồi thường thiệt hại cho bị hại Đ1 số tiền 1.000.000 đồng, cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh H số tiền 7.000.000 đồng và anh C số tiền 13.000.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.5]. Do đó, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đề nghị là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[4]. Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với xe mô tô gắn biển số 59M1 – 521.93, không rõ nhãn hiệu, màu đen, số khung: WN11D*Y0010163*, số máy: HD1P53FMH*99021616*, tình trạng đã qua sử dụng, không có bửng, không có mặt nạ xe, không có gương chiếu hậu, không có ổ khoá yên xe, cần thắng xe bị cong, xe có nhiều vết trầy xước, đây là xe thu giữ của bị cáo Đ2, là xe của mẹ ruột bị cáo Đ2 là bà Ngô Thị T nên trả lại cho bà T.

- 02 (hai) cây sắt tự chế, đầu có gắn 03 thanh sắt, đầu nhọn, là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu huỷ.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA – 1174, màu xanh đen, số imei 1: 357717101825519, số imei 2: 357717103825510, đã qua sử dụng, có gắn sim V số seri: 8984048000912196326, liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh đen, số imei 1: 862098059111048/78, số imei 2: 862098059111055/78, không liên quan việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo H1.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bị hại Nguyễn Thanh T2 và bị hại Dương Hoàng Minh T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

Ghi nhận bị cáo H1 đã bồi thường xong cho bị hại Lê Thành Đ1 số tiền 1.000.000 đồng, anh Đ1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

Ghi nhận bị cáo H1 đã bồi thường xong cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn H số tiền 7.000.000 đồng và anh Phạm Minh C số tiền

13.000.000 đồng. Anh H và anh C không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

[7]. Về án phí: Bị cáo H1 và bị cáo Đ2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H1 phạm các tội: "Cưỡng đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tuyên bố bị cáo Ngô Tấn Đ2 phạm tội: " Cưỡng đoạt tài sản".

1.1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H1 **03 (ba) năm** tù về tội: "Cưỡng đoat tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H1 **01 (một) năm** tù về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Ngọc H1 phải chấp hành hình phạt chung là: **04 (bốn) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 24/4/2023.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Ngô Tấn Đ2 **01 (một) năm** tù về tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27/4/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 02 (hai) cây sắt tự chế, đầu có gắn 03 thanh sắt, đầu nhọn.

- Trả lại cho bà Ngô Thị T: 01 (một) xe mô tô gắn biển số 59M1 – 521.93, không rõ nhãn hiệu, màu đen, số khung: WN11D*Y0010163*, số máy: HD1P53FMH*99021616*, tình trạng đã qua sử dụng, không có bửng, không có mặt nạ xe, không có gương chiếu hậu, không có ổ khoá yên xe, cần thắng xe bị cong, xe có nhiều vết trầy xước.

- Tịch thu vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA – 1174, màu xanh đen, số imei 1: 357717101825519, số imei 2: 357717103825510, đã qua sử dụng, có gắn sim V số seri: 89840480009121963**26.**

- Trả lại cho bị cáo H1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh đen, số imei 1: 862098059111048/78, số imei 2: 862098059111055/78.

3. Về trách nhiệm dân sự.

Ghi nhận bị hại Nguyễn Thanh T2 và bị hại Dương Hoàng Minh T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

Ghi nhận bị cáo H1 đã bồi thường xong cho bị hại Lê Thành Đ1 số tiền 1.000.000 đồng, anh Đ1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

Ghi nhận bị cáo H1 đã bồi thường xong cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn H số tiền 7.000.000 đồng và anh Phạm Minh C số tiền 13.000.000 đồng. Anh H và anh C không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

4. Về án phí: Bị cáo H1 và bị cáo Đ2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo và những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh.
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh.
- VKSND thị xã Hòa Thành,
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành .
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.

Nguyễn Thị Kim Phụng